

# TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

● NGÔ THỊ HỒNG THÁI

## TÓM TẮT:

Đến nay, Việt Nam có 23 trường đại học thực hiện tự chủ theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 77/NQ-CP của Chính phủ: Về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017. Tự chủ đại học bao gồm tự chủ về nhân sự, học thuật, tổ chức và tài chính, trong đó tự chủ tài chính là nội dung có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các tự chủ khác của các trường đại học. Do đó, trong khuôn khổ bài viết này sẽ tập trung phân tích và đánh giá về tình hình thực hiện tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập; đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy tính tự chủ tài chính của các trường đại học công lập, thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập.

**Từ khóa:** Tự chủ tài chính, trường đại học công lập, quản lý tài chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Nghị quyết số 77/NQ-CP của Chính phủ, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

## I. Đặt vấn đề

Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị giáo dục đại học công lập là phù hợp với chủ trương, đường lối mở cửa hội nhập của Đảng và Nhà nước ta. Thời gian qua, việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các trường đại học công lập ở Việt Nam đã được triển khai thí điểm và có những kết quả ban đầu. Tuy nhiên, để phát huy cơ chế này một cách có hiệu quả cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ bằng những giải pháp thiết thực hơn nữa.

Tự chủ của trường đại học có thể khái quát là khả năng các trường đại học được hoạt động theo cách thức mà mình lựa chọn để đạt được sứ mạng về mục tiêu do trường đặt ra. Các thành tố trong tự chủ đại học bao gồm: tự chủ về tổ chức, tự chủ về tài chính, tự chủ về nhân lực.

Tự chủ về tổ chức: Tại Việt Nam, cấp trường là cấp điều hành và quản lý toàn bộ hoạt động của nhà trường, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu cùng với các đơn vị chức năng tham mưu giúp việc gồm các phòng, khoa, trung tâm. Cấp khoa là cấp quản lý các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành trực thuộc.

Tự chủ về tài chính: Tự chủ về tài chính là trường đại học được quyền quyết định hoạt động tài chính của nhà trường, bao gồm các hoạt động thu, chi, quản lý và phân phối kết quả hoạt động tài chính, huy động vốn, quản lý các quỹ chuyên dụng, quản lý tài sản, quản lý nợ phải trả của nhà trường và các hoạt động tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Tự chủ về nhân lực: Tự chủ về tuyển sinh và đào tạo là các trường đại học được quyền quyết

định các hình thức và số lượng tuyển sinh phù hợp với điều kiện của trường và quy định của Nhà nước; mở các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học đã có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước.

Tư chủ về đào tạo: Hoạt động đào tạo gồm các nội dung như: tuyển sinh; ngành đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo; phương pháp giảng dạy... Các trường tự quyết định chỉ tiêu đào tạo, báo cáo Bộ và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để xã hội cùng giám sát chất lượng đào tạo.

Có nhiều văn bản chính sách về tự chủ đại học đã được ban hành như Luật giáo dục đại học 2012, Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2004-2010, Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Các chính sách của Nhà nước về tự chủ đại học nói chung và tự chủ tài chính nói riêng trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, giúp các trường chủ động hơn trong khai thác nguồn thu và quản lý chi tiêu; mở rộng và quảng bá chương trình đào tạo chất lượng cao, liên kết, đào tạo ngắn hạn, dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao chất lượng và uy tín để thu hút sinh viên trong và ngoài nước. Các trường thực hiện thí điểm tự chủ tài chính cũng đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, xây dựng các quy chế, định mức chi tiêu phù hợp hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số vấn đề đặt ra trong tự chủ tài chính đối với giáo dục đại học.

## **II. Khái quát tình hình thực hiện tự chủ tài chính ở các trường đại học công lập**

### ***1. Nâng cao tự chủ, tự chịu trách nhiệm***

Sau hơn 3 năm thực hiện thí điểm tự chủ tài chính ở 23 trường đại học công lập cho thấy, các trường đã từng bước nâng cao công tác quản lý,

đặc biệt là quản lý nguồn thu. Cơ chế tự chủ tạo điều kiện cho trường thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, chủ động, sáng tạo của người lao động; nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng hoạt động sự nghiệp; bước đầu rà soát lại chức năng nhiệm vụ đơn vị, từng bước giảm sự can thiệp của cơ quan quản lý cấp trên; yêu cầu về công khai, minh bạch trong tổ chức sắp xếp công việc, nhân sự, chi tiêu tài chính được thực hiện, tạo không khí đoàn kết trong nội bộ đơn vị.

Phát huy quyền tự chủ, thời gian qua, phần lớn các trường đã đảm bảo tương đối tốt toàn bộ hoạt động chi thường xuyên, đồng thời thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người học thông qua việc miễn giảm học phí cho các đối tượng chính sách; giảm học phí cho các ngành học cần khuyến khích như ngành Nông - Lâm, Công nghệ sau thu hoạch; trích học bổng khuyến khích theo quy định và có chênh lệch thu lớn hơn chi, thu nhập bình quân của người lao động tăng lên so với giai đoạn trước.

Việc trao quyền tự chủ đã giúp các trường chủ động và tích cực trong việc khai thác nguồn thu nhất là mở rộng các loại hình đào tạo không chính quy, liên kết đào tạo, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường trong việc bảo đảm nhu cầu chi tiêu ngày càng tăng, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động các trường. Bên cạnh đó, việc thay đổi khung và mức thu học phí, lệ phí cũng thể hiện rõ chủ trương của Nhà nước, tạo điều kiện nâng cao khả năng tự chủ về tài chính cho các trường đại học và nhằm huy động sự đóng góp của xã hội để phát triển các hoạt động sự nghiệp giáo dục, từng bước giảm dần bao cấp từ ngân sách nhà nước.

Cùng với đó, thực hiện tự chủ đã tạo điều kiện cho các trường chủ động trong quản lý, sử dụng các nguồn tài chính để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học trên cơ sở chấp hành quy chế thu - chi nội bộ của nhà trường và các quy định của Nhà nước.

Sau khi thực hiện tự chủ, cơ cấu chi thay đổi theo hướng tăng chi hoạt động sự nghiệp và giảm chi dịch vụ. Chi sự nghiệp tăng từ 70,6% giai đoạn trước tự chủ (2013 - 2014) lên 72,4% giai đoạn sau tự chủ (2015 - 2016), tập trung chủ yếu

vào chi cho con người, chi học bổng sinh viên, chi nghiệp vụ chuyên môn, chi mua sắm.

Chi từ ngân sách nhà nước cấp vẫn ưu tiên cho các hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản và chi thường xuyên. Tốc độ tăng thu lớn hơn so với tăng chi, nguồn chênh lệch thu - chi được các trường trích lập các quỹ, đầu tư mua sắm trang thiết bị, chính sách học bổng cho sinh viên, đầu tư hoạt động tư vấn và nghiên cứu khoa học.

Nhìn chung, các chính sách của Nhà nước về tự chủ đại học nói chung và tự chủ tài chính nói riêng trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, giúp các trường chủ động hơn trong khai thác nguồn thu và quản lý chi tiêu, mở rộng và quảng bá chương trình đào tạo chất lượng cao, liên kết, đào tạo ngắn hạn, dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao chất lượng và uy tín để thu hút sinh viên trong và ngoài nước. Các trường thực hiện thí điểm tự chủ tài chính cũng đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, xây dựng các quy chế, định mức chi tiêu phù hợp hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số vấn đề đặt ra trong tự chủ tài chính đối với giáo dục đại học.

Trong điều kiện nguồn ngân sách dành cho giáo dục đại học còn hạn hẹp thì thực hiện tự chủ tài chính của các trường đại học công lập là tất yếu, để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đồng thời vận động các nguồn lực của xã hội cho phát triển giáo dục đại học.

Việc trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đã mở ra cơ hội cho các trường đại học công lập nâng cao tính tích cực chủ động, sáng tạo trong quản lý tài chính và tài sản của đơn vị, sử dụng ngân sách nhà nước được giao tiết kiệm, hiệu quả hơn.

## **2. Những hạn chế trong quá trình thực hiện tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập**

Thực tế cho thấy, nguồn tăng thu của các trường đại học hiện nay vẫn là tăng quy mô đào tạo, chưa huy động được các nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ chuyển giao khoa học công nghệ và dịch vụ tư vấn giáo dục đào tạo theo hợp đồng cho các tổ chức và cá nhân trong nước...

Một số trường đại học được tự chủ về mức chi nhưng tự chủ về thu chưa tương xứng, dẫn tới hiệu quả của việc thực hiện tự chủ không hơn là bao so với không tự chủ.

Theo thống kê, tổng nguồn thu của các trường có xu hướng tăng lên qua các năm, song, cơ cấu nguồn thu chưa có sự thay đổi nhiều giữa giai đoạn trước và sau khi thực hiện tự chủ. Thu sự nghiệp (chủ yếu là thu từ học phí và lệ phí) vẫn chiếm tỷ trọng lớn (trên 70%) và còn phụ thuộc nhiều vào quy mô đào tạo và mức tăng học phí.

Thu từ dịch vụ, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp đồng tư vấn... vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm trong cơ cấu nguồn thu. Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các trường chủ yếu là nguồn kinh phí cho các dự án đang triển khai từ trước khi tự chủ, hỗ trợ miễn, giảm học phí đối với sinh viên thuộc đối tượng chính sách.

Trong thời gian dài, do bị khống chế về trần học phí, mức trần học phí thường thấp, thu không đủ chi, cho nên một số trường "xé rào", ban hành nhiều khoản thu ngoài quy định, dẫn đến thiếu công khai, minh bạch trong việc sử dụng nguồn thu.

Đến thời điểm này, Chính phủ đã cho phép một số trường đại học công lập tự chủ thu học phí cao so với Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, tuy nhiên, bên cạnh đó có những ý kiến từ sinh viên, phụ huynh về việc học phí tăng nhưng các điều kiện đào tạo không được cải thiện. Tự chủ tài chính bằng việc chủ động đưa ra mức thu học phí đảm bảo bù chi cho các hoạt động đào tạo là điều cần thiết, song mức học phí được đưa ra thế nào cho hợp lý, sử dụng sao cho hiệu quả và nhà trường phải chịu trách nhiệm trước xã hội và sự giám sát của cơ quan quản lý về chất lượng đào tạo là vấn đề cần được quan tâm chú trọng.

Ngoài ra, các trường cũng sẽ gặp khó khăn với việc duy trì mức học phí thấp dẫn đến việc các trường không có đủ nguồn để cải thiện thu nhập cho giảng viên từ nguồn học phí chính quy, không thu hút và giữ được những giảng viên có trình độ cao tham gia giảng dạy. Để có nguồn bù sung thu nhập, các trường phải khai thác từ các hoạt động đào tạo không chính quy, dẫn đến thời gian đứng lớp của giảng viên đại học phần lớn bị quá tải. Hầu hết các giảng viên đại học đều vượt định mức giờ giảng theo quy định, có những trường hợp vượt tới 150% - 200% định mức giờ giảng. Do đó, giảng viên đại học không có thời gian để nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ nghiệp

vụ, đổi mới nội dung bài giảng, phương pháp sử dụng... Điều này đã ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nói chung.

Bên cạnh đó, việc trao quyền tự chủ cho các trường có thể nói vẫn chưa được thực hiện một cách triệt để và đầy đủ. Hiện các trường đều chịu sự phân phối về chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cho nên dù nguồn lực có thể tiếp nhận nhiều hơn song các trường không thể tuyển vượt quá chỉ tiêu đã được giao. Mặt khác, nhiều quy định văn bản pháp lý chưa kịp thay đổi để hỗ trợ cho các trường đại học tự chủ. Nghị quyết số 77/NQ-CP mới chỉ là thí điểm nên các văn bản chưa kịp thay đổi. Do thiếu sự định hướng từ các cơ quan quản lý nhà nước nên các trường còn khá lúng túng trong việc xây dựng tầm nhìn chiến lược.

### **III. Tự chủ tài chính giáo dục đại học - Nhìn từ kinh nghiệm quốc tế**

Tự chủ tài chính nói riêng và tự chủ đại học nói chung là con đường để các quốc gia chuyển đổi cơ chế quản lý hệ thống giáo dục đại học từ mô hình nhà nước điều hành thành mô hình nhà nước giám sát. Phương pháp tiếp cận tự chủ tài chính đại học ở các quốc gia châu Á có nhiều nét tương đồng với các quốc gia phát triển ở châu Âu và châu Đại Dương. Đối với các quốc gia châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam, động lực để chính phủ triển khai tự chủ tài chính là thúc đẩy các trường đại học đa dạng hóa nguồn thu từ tư nhân để hỗ trợ cho hoạt động chung của trường đại học bên cạnh các gói tài trợ công có chủ đích; giảm dần các tài trợ thường xuyên và nâng cao khả năng quản lý tài chính của trường đại học hiệu quả hơn. Các chính sách cũng được ban hành cho phù hợp, vừa cắt giảm ngân sách nhà nước, vừa cho phép trường đại học chủ động tìm kiếm nguồn thu mới, điều chỉnh chỉ tiêu và quản lý tài chính hiệu quả.

Một trong những chính sách được các quốc gia châu Á áp dụng rộng rãi để khuyến khích/thúc đẩy tự chủ tài chính là thắt chặt ngân sách chính phủ tài trợ cho các trường đại học, mà thay vào đó là dụng các gói tài trợ hướng vào các mục tiêu cụ thể. Nhật Bản và Trung Quốc là những nơi áp dụng chính sách này. Ở Nhật Bản, trong giai đoạn 2004-2009, tỷ lệ nguồn tài trợ của chính phủ trên tổng nguồn thu của đại học Hiroshima giảm từ

49,6% xuống còn 38,6%, nguồn thu từ các khoản phí đã chiếm 60% nguồn thu của các trường đại học tư nhân; trong khi đó, nguồn tài trợ của chính phủ chỉ còn chiếm 12%.

Ở châu Âu, ngoại trừ đảo Síp, Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, các quốc gia còn lại trong EU đều nhận được nguồn ngân sách cơ bản từ chính phủ dưới hình thức gói tài trợ phục vụ cho một số hoạt động của trường đại học như giảng dạy, quản trị và nghiên cứu khoa học. Các gói tài trợ này thường có thời hạn 1 năm, một số trường hợp ngoại lệ có thời hạn lâu hơn như Áo (3 năm) và Luxembourg (4 năm). Bên cạnh đó, nguồn ngân sách tài trợ này còn được điều chỉnh tùy thuộc vào việc trường đại học đạt các chỉ tiêu hoạt động hàng năm hay không, chẳng hạn như nguồn tài trợ của Anh và Estonia phụ thuộc vào việc trường đạt chỉ tiêu tuyển sinh hoặc tốt nghiệp hàng năm.

Trong khi đó, ở một số quốc gia khác thì các gói tài trợ được quy định chỉ phục vụ cho những lĩnh vực cụ thể của trường đại học; chẳng hạn như giảng dạy và nghiên cứu ở Iceland và Thụy Điển, lương và chi phí hoạt động ở Bồ Đào Nha, đầu tư, lương và chi phí hoạt động ở Pháp. Hoặc, như trường hợp của Cộng hòa Séc, chính phủ quy định 80% gói tài trợ phải sử dụng cho mục đích giảng dạy và 20% còn lại cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Như vậy, có thể thấy rằng chính phủ vẫn giữ vai trò kiểm soát mục đích/lĩnh vực mà các trường đại học sử dụng gói tài trợ; hoặc quy định việc phân bổ gói tài trợ của các trường đại học, nhưng điểm tiến bộ là gói tài trợ này gắn với kết quả hoạt động của trường.

Trong 40 năm qua, giáo dục đại học ở Anh đã chuyển từ một hệ thống được tài trợ công sang một hệ thống công/tư hỗn hợp, như một thị trường tiêu dùng dựa trên vốn vay, chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tổng chi phí bao gồm cả sinh viên tốt nghiệp và trường đại học, tuy nhiên, tài chính giáo dục đại học Anh vẫn phải chịu sự kiểm soát của chính phủ. Các trường đại học vẫn phụ thuộc một phần vào nguồn ngân sách của chính phủ dưới hình thức hỗ trợ liên quan đến nghiên cứu, trợ cấp giảng dạy và trợ cấp của hệ thống cho vay...

Về việc tạo nguồn thu, các trường đại học ở châu Âu được khuyến khích đa dạng nguồn thu từ hỗ trợ của chính phủ; tài trợ của các quỹ

nghiên cứu của chính phủ; các nguồn khác từ chính phủ, tư nhân, quốc tế và nguồn thu do trường đại học tạo ra.

Ở châu Á, cùng với các chính sách cắt giảm nguồn tài trợ, chính phủ các quốc gia châu Á cũng nới lỏng các quy định về nguồn thu để tạo điều kiện cho trường đại học tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn thu. Tuy nhiên, chính phủ các quốc gia châu Á chưa thực sự mở rộng chính sách thu học phí cho trường đại học mà vẫn còn đó những quy định khá chặt chẽ và thậm chí là áp dụng trần học phí. Nguyên nhân chính là họ ngại các trường đại học vận hành hoạt động theo cơ chế thị trường với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận mà xa rời các mục tiêu phát triển hệ thống giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của nền kinh tế. Các trường đại học Trung Quốc tìm kiếm các nguồn thu tư nhân từ cựu sinh viên, tài trợ của xã hội, học phí và hợp đồng nghiên cứu khoa học. Các trường đại học tại Indonesia được tự do tìm kiếm các nguồn thu khác như thu từ học phí, hoạt động tư vấn, liên kết với doanh nghiệp. Với Nhật Bản, vào năm 2004, các trường đại học quốc gia được chuyển đổi thành các công ty cổ phần đại học quốc gia. Cụ thể, học phí là nguồn thu của riêng trường đại học, thay vì trước kia phải nộp về cho Nhà nước.

Những kinh nghiệm này vô cùng có giá trị đối với Việt Nam để lựa chọn một mô hình phù hợp trong quá trình tự chủ giáo dục đại học đang được xã hội quan tâm hiện nay.

#### **IV. Giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các trường đại học công lập**

Các bộ, ngành, sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, các tiêu chí đánh giá mức độ và chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của các trường được giao tự chủ nhằm tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các tiêu chuẩn, định mức và mở rộng lĩnh vực giao quyền tự chủ cho các trường; Sửa đổi chế độ khấu hao tài sản cố định (nhất là máy móc thiết bị phục vụ giảng dạy với thời gian 3 năm là hợp lý); Sửa đổi chính sách phí, lệ phí cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Trao nhiều quyền tự chủ về mức thu hơn nữa cho các trường đại học công lập, trước hết là thu

học phí, lệ phí. Các cơ sở giáo dục đại học công lập được phép tính đủ chi phí tiền lương và chi phí hoạt động thường xuyên trong giá dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở khung giá do Nhà nước quy định, chi phí khấu hao tài sản cố định trong học phí của cơ sở giáo dục đại học công lập, đảm bảo nguyên tắc lấy thu đủ bù đắp chi phí đào tạo trong học phí. Nhà nước sẽ thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với người nghèo, người dân tộc thiểu số, người ở vùng sâu, vùng xa về mức học phí... tạo điều kiện cho mọi người đều được tiếp cận giáo dục đại học.

Các trường cần tiếp tục đổi mới toàn diện: Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ mang tính chi tiết, đảm bảo tính công khai, dân chủ và công bằng; Xây dựng được hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của từng người lao động. Trong đó, chú trọng giải pháp chi trả thu nhập theo hiệu quả công việc, khuyến khích, hấp dẫn, thu hút người có năng lực, có trình độ.

Đặc biệt, là phải xây dựng được chiến lược tài chính hợp lý cho đầu tư cơ sở vật chất trong ngắn hạn và dài hạn; Coi trọng và tích cực tìm kiếm, thu hút nguồn lực tài chính từ các nguồn dự án, nguồn vốn viện trợ nước ngoài. Cùng với đó, các trường cần xây dựng bộ máy, các chuyên gia, chuyên viên thực hiện các hoạt động tham mưu cho Ban giám hiệu về nội dung, biên pháp thực hiện, cung cấp các thông tin, các phương án lựa chọn để người lãnh đạo có thể ban hành các quyết định kịp thời, cần thiết.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, yêu cầu tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các trường đại học nhằm đảm bảo các trường đại học hoạt động theo đúng luật pháp.

Đổi mới phương pháp phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học theo kết quả đầu ra; giao ngân sách gắn với nhiệm vụ và sản phẩm cuối cùng. Nhà nước giao ngân sách gắn với các hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo, định mức phân bổ chi phí đào tạo, có sự phân biệt giữa cơ sở hoạt động có chất lượng hiệu quả với cơ sở kém chất lượng, không hiệu quả. Nhà nước thực hiện cơ chế đặt hàng đối với đào tạo đại học. Tất cả các cơ sở giáo dục đại học đều được tham gia vào quy trình tuyển chọn kinh phí đặt hàng đào tạo từ ngân sách nhà nước ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ: Nghị định quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10 của Chính phủ: Về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Hội nghị Tổng kết thi điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ giai đoạn 2014 - 2017;
4. Bộ Tài chính (2011), Đánh giá tình hình thực hiện tự chủ tài chính và định hướng đổi mới cơ chế tài chính đối với các trường đại học công lập giai đoạn 2012 - 2020

Ngày nhận bài: 12/3/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/3/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 31/3/2019

Thông tin tác giả:

**NGÔ THỊ HỒNG THÁI**

Trường Đại học Công đoàn

**FINANCIAL AUTONOMY AT PUBLIC UNIVERSITIES:  
CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS**

● **NGO THI HONG THAI**

Vietnam Trade Union University

**ABSTRACT:**

So far Vietnam has 23 autonomous universities under the Resolution No. 77/NQ-CP of the Government on pilot renovation of the operation mechanism of public tertiary education institution during 2014 - 2017. An autonomous university exercises independent control over its human resources, academic training, organization and finance. In which, the financial independence plays an important role in the autonomy of universities. As a result, this article focuses on analyzing and evaluating the current situation of financial autonomy at public universities. The article also proposes some solutions to promote the financial autonomy of public universities, achieving the goal of improving the quality of human resources in Vietnam to meet the requirements of integration.

**Keywords:** Financial autonomy, public universities, financial management, improving the quality of human resources, Government Resolution No. 77/NQ-CP, Decree No. 43/2006/NĐ-CP of the Government.